

LÔ SƠN LIÊN TÔNG BẢO GIÁM

QUYỂN 4

NÓI VỀ NIỆM PHẬT LÀ CHÁNH PHÁP

Phật do tâm tạo; đạo do người mở mang, yếu chỉ của việc mở mang đạo pháp trước hết phải niệm Phật. Niệm Phật là chánh tâm, vì chánh tâm nên thường hợp với đạo. Tông cùng tột của đạo là Phật, Phật là giác. Tất cả chúng sinh đều có tánh bốn giác này, vì một niệm sai khác cho nên không giác. Tướng quốc họ Bùi nói: Người suốt ngày viên giác mà không hề viên giác là chúng sinh; người đầy đủ viên giác mà trụ trì trong viên giác là Như Lai. Cho nên Bạc-già-phạm thành đạo ở Ma-kiệt-đà, nói “có”, bàn “không”, quán sát căn cơ, tùy theo dạy giáo, ngoài các pháp khai riêng pháp môn niệm Phật để cắt đứt gốc rễ của các khổ, được dự vào con đường chính yếu của dòng Thánh. Cho nên kinh nói: “Từ cõi này đi về Tây phương qua mười muôn ức cõi Phật có một thế giới tên là Cực lạc. Đức Phật cõi ấy hiệu là A-di-đà.” Trong nước ấy không có ba độc tám nạn nhưng có rất nhiều bảo báu đẹp để trang nghiêm; lấy pháp làm thân; làm bạn với các bậc Thánh.

Nếu người tinh thành phát nguyện hướng tâm về cõi nước kia thì được vãng sinh, vượt xa ba cõi chín địa, chứng đạo mầu vô thượng của chư Phật. Lời nói này không phải điều luống dối. Kể từ khi đại giáo từ phương Đông truyền đến, đến thời Phật-đồ-trưng thì thành hành. Do Phật-đồ-trưng độ Ngài Đạo An, học trò Ngài Đạo An có Tuệ Viễn, Giới Châu, Nghĩa Hải, Long Tư, Phụng Chương tu tập theo cương yếu của giáo môn này. Sư viết bài “Thân quán vịnh niệm Phật Tam-muội”, thời Tấn bấy giờ, các Bạc hiền mến mộ đức hạnh của Sư tranh nhau đến đạo tràng Chánh giác, cùng nghiên cứu đạo này. Tiếng tăm vang dội đến đế vương, đạo được tôn kính một thời. Di Thiên suy tôn làm cao đệ, La-thập kết làm bạn tốt. Thức lượng rộng lớn, vượt hơn xưa nay. Đến nổi cường gọi là đạo, là Tôn sư của muôn đời. Người truyền lại đầy đủ cho trời người là Tuệ Viễn. Đời Tùy có Ngài Trí Giả; đời Ngụy có Ngài

Đàm Loan; đời Đường có Ngài Thiệu Đạo, các vị này đã chấn chỉnh tôn phong. Đời Tống có Thản Công, viết số giải thích cặn kẽ về cam lồ, Tĩnh Thường kết xã, Từ Giác khuyên tu. Thiền sư Diên Thọ dung hợp ngàn điều lành đồng quay về một mối. Đời Nguyên, Tông chủ tập hợp các kinh để làm thành sám, rộng thực hành các phương tiện, dùng lòng Từ bi uyển chuyển giáo hóa. Cho nên Tổ sư muốn làm cho tất cả chúng sinh trên mặt đất đều thấy được bốn tánh Di-đà, đạt được duy tâm Tịnh độ, tất cả đều giác ngộ đạo mầu Bồ-đề, bèn lập ra bốn chữ “Phổ giác diệu đạo” để đặt tên cho tông quán. Bốn chữ này là một tấm gương lớn chiếu khắp vô biên nhưng đồng một thể dụng. Lấy gì biết như thế? Nói tóm lại, ví dụ như thân thể của con người. Thân có đầu mắt, tay chân là dụng, không thể tách rời một phần nào. Chính mình không có nguyện vọng rộng lớn và lòng Từ bi sâu xa thì làm sao có thể giữ chữ tín đối với người đời sau ư? Trộm luận bàn rằng: Thế giới chúng sinh gọi là phổ; trí đạt được lý này gọi là giác; đức, dụng vô biên gọi là diệu; ngàn Thánh dẫm đạp gọi là đạo. Lại nữa, phổ tức là thể của tự tâm trùm khắp mười phương; giác tức là dụng của trí tự tâm soi sáng không lầm; diệu là hạnh của tự tâm lợi vật ứng cơ; đạo là tự tâm thông đạt lý trung chánh. Điều chứng ngộ của Hằng sa chư Phật tức là đạo này, sở đắc của Tổ sư nhiều đời là đạo này. Chúng sinh trong mười phương được sinh về Tịnh độ cũng đã học đạo này; những người tu tập ở đời vị lai cũng sẽ học đạo này.

Lại nữa, chư Phật, các Bồ-tát thị hiện ở thế gian làm vị đại đạo sư, các Ngài đều có bi nguyện nên không bỏ chúng sinh, hoặc làm vua chúa, quan văn, quan võ, cư sĩ, tế quan, xuất gia, tại gia, thuận hạnh, nghịch hạnh đều dùng đạo này để giáo hóa nhân dân.

Muôn loại hàm linh trong ba cõi từ vô lượng kiếp đến ngày nay, qua lại trong sáu đường giống như con kiến bò quanh cối xay, không biết ra khỏi bằng đường nào. Chư Phật, Tổ vì thương xót những chúng sinh ấy nên bày ra phương cách để dắt dẫn họ, giúp họ hưởng về chỗ ta hưởng về. Chỗ ta hưởng về chẳng phải sáu đường, chẳng phải Tam Thừa mà là cõi của Như Lai Chánh giác. Người được đạo mà ta hưởng về cũng dùng đạo này giáo hóa những người chưa có nơi hưởng về, giúp họ hưởng về chỗ hưởng về này. Giống như mỗi trăm ngàn ngọn đèn mà ánh sáng không phân tán lại còn sáng rực hơn trước. Tông niệm Phật này, chính là pháp của tâm, chính là chánh đạo mà chúng sinh quy hướng. Người này truyền cho người kia không bao giờ chấm dứt, nên gọi vô tận đặng. Thuyết Phổ giác diệu đạo há là lời nói suông ư? Bởi vì

mọi người đều có khả năng thành Phật, không phân biệt là tăng hay tục, người độn căn hay lợi căn, không có kia đây, cũng không có cao thấp. Tất cả mọi người đều đồng một thể tánh mà thôi. Hễ ai nhận thấy được thể tánh ấy là ngộ, còn để mất nó là mê. Tất cả mọi người đều đồng một lý tánh, hễ mê là phạm phu; ngộ là Thánh. Người mê là sự ngăn cách, chứ lý không ngăn cách, người đánh mất là tự đánh mất chính mình, nhưng tánh thì không mất. Người biết được điều đó tu Tam-muội niệm Phật chính là làm cho tâm mình ngay thẳng. Tâm này đã ngay thẳng thì tánh thuận theo lý. Tánh đã thuận theo lý thì sau trần không thể nhiễm, muôn cảnh không thể lay động, dụng ở trong tất cả, vắng lặng trong cõi muôn hóa, đã không lay động bốn xứ mà còn đi khắp mười phương, vượt đến cõi Cực lạc, vụt bay đến ngôi nhà Tịch quang, trụ trên đỉnh núi Niết-bàn, châu đấng Vô thượng pháp vương, Phổ giác diệu đạo nghĩa của chánh tâm cao tột đến thế nào? Người không biết nghĩa này công phu từ chỗ nào thực hành, trí từ chỗ nào phát ra. Thí như người mù không thấy ánh sáng mặt trời, mặt trăng, đi ngang qua nơi nguy hiểm, bị sa hầm sụp hố không thể tự lên được. Xa thời kỳ Thánh hiền nên đa phần con người hiểu lầm, tuy có trông mong chánh đạo nhưng đều rơi vào tà tông. Những người tầm thường dung tục đều hiểu như vậy mà thôi, khiến cho bọn tà kiến quỷ quyết làm mê lầm đồng thời dấy lên; phải quấy, “không có” nổi lên như ong v.v... hủy báng lẫn nhau, kẹt vào sự tướng không chịu xả bỏ; thuận theo ứng duyên không tự giác; chấp giữ như cây khô lại gọi là định; cây mình thông minh tự cho là trí tuệ; buông lung trái đạo lại gọi là có năng lực; nường cây vào quỷ thần lại gọi là có thần thông; có thân tâm phóng khoáng gọi là không ngăn ngại; rỉ tai nhau truyền đi gọi là bí quyết; chấp ngã tông là phổ, là giác; nói tông kia là diệu, là đạo. Đây đều là lén soi gương này, đi vào lãnh vực tà kia, bị bụi nhỏ ngăn che, không thấy tông thể. Tuy được tên gọi là gương nhưng không có được dụng, thật không biết Ngài Từ Chiếu lập bốn chữ này là có ý sâu sắc, người mê muội không biết nên chấp vào đây thì sẽ đánh mất mình.

Lại có người nói tại gia là Di-đà giáo, xuất gia là Thích-ca giáo, rồi tự tôn làm Tổ, chấp pháp làm tông, còn chấp kia đây. Tâm gặp việc thì không giải quyết được, chính mình là kẻ hiểu biết yếu kém thiên tà chứ chẳng phải người khác làm cho chúng ta thành con cháu Phật Tổ mà không thể phá hoặc chấp này, thì lấy gì gương cao mặt trời trí tuệ nơi tâm tối? Đau lòng vì tuệ mạng Phật Tổ chên vênh, còn hơn cắt thịt thân mình; nhớ nghĩ báo ân sâu nặng của Phật Tổ thì dù ngủ nghĩ, ăn

uống, ở chỗ an ổn cũng không yên lòng; nhớ nghĩ đến đệ tử Phật ở khắp nơi tu tập sai đường, mà không thể cứu vớt, tuy chưa thể làm được một phần muôn của người xưa nhưng tâm này không luống dối, tôi từng tha thiết đọc Cao Tăng Truyện ký tìm dấu vết chân chánh của các Bậc hiền triết, nghiên cứu nguồn gốc của nó trích ra sự thật, sự lý chính đáng còn tồn giữ, tập hợp tất cả rồi viết ra; chỗ thiếu sót thì bổ sung vào, chỗ lẽ mờ chưa rõ thì cắt bỏ; chỗ tối nghĩa thì làm cho sáng tỏ, chỗ đứt đoạn thì viết thêm dẫn chứng vào, ngõ hầu sau ngàn năm người tu Tịnh nghiệp nhờ lời nói mà tư duy về đạo, uống nước biết được nguồn gốc, biết được di phong của người xưa, hiểu rõ được ngọn ngành của Tiên tông, tiếp nối và làm hưng thịnh hạt giống Phật, mở mang đạo mầu, giữ tuổi thọ tuệ mạng đến vô cùng, truyền ngọn đèn chân chánh đến vĩnh viễn. Đây không phải bốn chữ là một tấm gương chiếu sáng vô cùng ư? Phải hiểu rõ đạo này, cẩn thận chớ xem thường.

1. Chuyện thật về Tổ sư Tuệ Viễn.

Sư hứ Tuệ Viễn, người ở Lô Phiền thuộc Nhạ Môn, nay là Đại châu Hải đông. Họ Giả, sinh ở Thạch Triệu, vào năm Giáp ngọ, thuộc niên hiệu Diên Hy. Vào niên hiệu Hàm Hoà thứ 9 vua Thành Đế đời Tấn, Sư mười hai tuổi, theo cậu du học ở Hứa Lạc. Sư thông hiểu sáu kinh, thông thạo sách Chu Dịch Lão Trang. Năm hai mươi một tuổi sư vượt qua sông, cùng Phạm Tuyên Tử ở ẩn, gặp giặc ở Trung nguyên nổi lên. Lúc ấy, Sư nghe tiếng Pháp sư Đạo An ở núi Thái Hành giảng kinh Bát-nhã nên cùng với người em là Tuệ Trì cùng đến nghe, nhân đó hoá nhiên đại ngộ. Sư nói:

- Đạo Nho lưu truyền đã lâu nhưng đều là vỏ trấu. Nói rồi Sư cùng người em cạo tóc xuất gia, thường lấy Đại pháp làm trách nhiệm của mình. Ngài Đạo An bảo:

- Kẻ làm cho đạo lưu truyền ở trong nước là Tuệ Viễn.

Niên hiệu Thái Nguyên thứ 9 đời Hiếu Vũ Đế, Sư đến Lô Sơn, động gậy xuống đất nói: “Có dòng suối ở đây”, bỗng nhiên có dòng suối phun vọt lên. Sư bèn cắt cỏ tranh làm am, giảng kinh Niết-bàn cảm được Sơn thần. Sơn thần hiển linh giúp đỡ Sư về vật liệu (gỗ), mưa gió chuyển gỗ về. Thái thú ở Giang châu kinh hãi sự thần dị này. Sư lập chùa Đông Lâm, đặt tên điện là Thần Vận.

Đến niên hiệu Thái Nguyên thứ 11 chùa xây dựng hoàn thành. Vì ở Đông Nam kinh luật chưa đầy đủ, thiền pháp không được nghe nên Sư dựng riêng một thiền thất trong khuôn viên chùa và thỉnh một thiền sư về hướng dẫn mọi người tu tập pháp thiền, khiến các đệ tử vượt qua

sa mạc đến học Thiên kinh, những người dân ở gần sông đều được tu tập. Sư nguyện đem giáo pháp Đại thừa giáo hóa khắp nơi từ phương Bắc đến phương Tây, phương Nam. Có lần Sư nói: Thiên pháp sâu xa nhiệm mầu, người không có tài thì không thể trao truyền, chỉ dạy được. Yếu môn nhập đạo, công đức cao vời, tu tập dễ tiến không gì hơn niệm Phật.

Học trò của Sư khoảng ba ngàn vị tới lui, một trăm hai mươi ba vị là bậc chân tín và mười tám Bậc hiền như Lưu Di Dân... Những vị ấy đối trước tượng Phật Vô Lượng Thọ thiết trai, lập nguyện đồng tu tập để sinh về Tịnh độ Tây phương và kết Bạch Liên xã, Lưu Di Dân làm bài văn phát nguyện, sư tự soạn bài tựa về niệm Phật Tam-muội. Tạ Linh Vận ý có tài nên ngạo mạn nhưng một khi gặp Sư liền tỏ lòng cung kính, phát nguyện đào ao trồng sen để xin gia nhập vào Liên xã của Sư tu tập nhưng Sư thấy ông tâm tạp loạn nên không nhận.

Trong núi có nhiều rắn, có một hành giả, không biết là người nào đã từng giúp Sư đuổi rắn, đến nay hiệu là Ty xà Thánh giả. Một dòng suối chảy ngang qua chùa Sư ở, đến cuối dòng nhập vào Hồ Khê. Mỗi lần tiễn khách về, Sư lấy Hồ Khê làm ranh giới. Bấy giờ, Đào Uyên Minh và Lục Tu Tĩnh từng được Sư đưa tiễn, vì ba người đàm đạo rất khế hợp, bất giác đi quá Hồ Khê, rồi cùng nhau cười lớn. Đời sau nhân đây truyền Tam Tiểu đồ ở đây.

Pháp sư La-thập thông hiểu kinh sách, xứng đáng làm thầy, là vị Bồ-tát hộ pháp Đông phương. Tăng chúng ở nước ngoài đều nói đất Hán có đạo sĩ Đại thừa, nên mỗi lần thấp hương lễ bái đều hướng về phương Đông núi Lô làm lễ, tỏ lòng cung kính.

Niên hiệu Long An năm đầu đời vua Tấn An Đế; Hoàn Huyền xúi giục vua sa thải tăng ni. Sư bảo Lô Sơn là nơi ở đạo đức không dễ tìm. Thế rồi sư đem ý kiến ấy trình lên vua, xin vua không đào thải tăng ni. Đến năm đầu nhà Nguyên, Hoàn Huyền lại muốn Sa-môn phải cung kính bậc vương giả. Sư lại viết những lời bàn bạc rồi rời khỏi An Đế. Từ Giang Lăng Sư trở về kinh đô, mọi người khuyên Sư trở lại, sư viện cớ bệnh nên không đi. Vua bèn sai người đến thăm hỏi, sư dâng biểu lên vua.

Ngày 1 tháng 11 năm Ất Mão thuộc niên hiệu Nghĩa Hy, sư nhập định đến mười bảy ngày; khi xuất định gặp Đức Phật A-di-đà thân màu vàng tử ma chiếu khắp thế giới hư không. Văn Long Thư Tịnh độ viết: Tuệ Viễn ba lần thấy tướng Thánh nhưng Sư không hề nói, ba mươi hai năm không ra khỏi núi, cũng không đến nhà thế tục.

Ngày 1 tháng 8 năm Bính Thìn Sư thị hiện bị bệnh, đến ngày mồng 6 bệnh trở nặng, các bậc Đại đức kỳ cựu thỉnh sư uống rượu đậu, nhưng Sư không chấp thuận, lại thỉnh Sư uống mật ong, Sư bảo Luật sư xem xét rồi đem cất, không bao lâu Sư nhóm họp các đệ tử đến dặn dò:

“Ta tự biết ngày ra đi, ta sẽ bỏ thân ở núi này, nên từ nay đến cuối cuộc đời ta sẽ đóng cửa thất, dứt bặt các duyên, chuyên giữ chí mình không màng đến thân xác. Năm nay đã tám mươi ba tuổi rồi, lúc trút hơi thở cuối cùng ta muốn để xương cốt ở dưới rừng thông, tức là lấy đỉnh núi làm mộ để nuôi cây cỏ tốt tươi. Đây là theo thông lệ của người xưa, các vị chớ có trái. Nếu làm cho thần thức sáng suốt đạt đến chỗ chân thật thì Đức Thế Tôn đại bi cũng sẽ giúp cho”. Nói xong, Sư từ giả mọi người. Quan thái thú Tâm Dương đến điều hành tang lễ. Thi thể Sư an táng ở Tây Lãnh, chất đá làm tháp thờ, vua An Đế ban hiệu là “Lô Sơn Tôn giả Hồng Lô Đại khanh Bạch Liên xã chủ ngưng tịch chi tháp”. Tạ Linh Vận lập bia đề bài minh để tuyên dương công đức. Bài tựa của Trương Dĩ có Khuông Sơn Tập mười quyển lưu hành ở đời.

2. Thụy hiệu của Tổ sư Tuệ Viễn qua các Triều đại.

Niên hiệu Nghĩa Hy, vua An Đế đời Tấn ban thụy hiệu cho Sư là Lô Sơn Tôn giả Hồng Lô Đại khanh Bạch Liên xã chủ.

Năm Mậu Thìn, vua Đại Trung đời Đường ban thụy hiệu cho Sư là Biện Giác Đại sư.

Thăng Nguyên niên hiệu đời Nam Đường năm thứ ba vua ban thụy hiệu cho Sư là Chánh giác Đại sư.

Niên hiệu Thái bình Hưng quốc năm thứ ba đời Tống vua ban thụy hiệu cho Sư là Viên Ngộ Đại sư.

Niên hiệu Càn Đạo năm thứ hai đời Tống vua ban thụy hiệu cho Sư là Biện Chánh Giác Viên Ngộ Đại Pháp sư.

3. Đại sư Minh Giáo đề bài ký về ảnh đường thờ Tổ sư Tuệ Viễn.

Về sự tích Ngài Tuệ Viễn, người học tuy có thấy nhưng ít ai biết được tường tận, khiến cho người học đời sau không biết rõ ràng; không thấy đức hạnh của các bậc Tiên hiền cũng là lỗi của người hậu học. Tôi đọc Cao Tăng Truyện, Liên xã Lục, Cửu Giang Tân Cựu lục, thích nhất là sáu việc của Tuệ Viễn, thường lấy đó để nhắc nhở mình tu học. Thế rồi tôi trích dẫn ra ghi bài ký ấy đóng khung treo lên giảng đường để mọi người đến học được thấy.

Lục Tu Tĩnh là người tu học theo giáo phái khác, khi trở về sư tiền quá Hồ Khê. Đó là y pháp bất y nhân. Đào Uyên Minh đắm say men rượu nhưng sư lại kết bạn. Bởi vì bỏ qua chi tiết nhỏ chỉ y cứ vào sự đạt

ngộ. Cao tăng Bạt-đà hiển bày việc lạ, bị đuổi đi nhưng lại đón về và khen ngợi. Bởi họ xem nặng về học thức mà khinh miệt Bậc hiền, Tạ Linh Vận vì tâm hỗn loạn nên không nhận, sau quả chết vì bị gia hình tâm nên mất phép tắc, bởi biết là pháp khí nhưng phải cẩn thận đến cùng. Lô Tuần muốn làm phản nhưng sư chỉ chấp tay cầu cứu vì tự tin vào đạo. Hoàn Huyền ra uy nhưng Sư chống đối không khuất phục vì có khí tiết lớn. Tình người xưa nay đều sợ uy thế, khó tránh khỏi quên nghĩa để tránh né nghi ngờ, háo danh mà mê muội sự thật, nương dựa thế lực mà tàn nhẫn với kẻ thế cô, tô điểm đức hạnh mà sợ liên lụy, tự khen chê người. Ai có đạo hạnh cao quý trong đời như Bậc hiền lại bằng lòng nói ít lời mà nghe theo người ư? Ai vốn có đức tốt làm những việc trong sạch, thanh khiết lại bằng lòng kết giao với người say sưa vì coi trọng sự chứng đạt của kẻ đó ư? Ai là bậc thầy có thể khuất phục người, vì tôn trọng lễ mà bị trách đuổi đi, lại khen như khách và khen ngợi là Bậc hiền ư? Ai là người chối từ kẻ sĩ nổi tiếng, không dạy dỗ truyền đạt giáo pháp để giữ trọn vẹn đến cuối ư? Ai có nghĩa, không trốn tránh tai họa, hòa nhã như cố cựu vì tin vào đạo ư? Ai là kẻ gặp oai tướng đang sát phạt, bạo ngược lại giữ đạo không bị rối loạn để giữ khí tiết ư? Vì thế Tuệ Viễn biết mọi việc một cách sâu rộng, vượt xa xưa nay. Nếu đả trách Thánh đạo rộng lớn sâu xa cùng tột giáo pháp làm giàu có trời người là những chúng sinh không mong mỗi mà được cùng tột. Đó là Thánh ư? Hiền ư? Là vĩ nhân ư? Thổi một luồng gió mát kết thành khối lớn, đó là danh tiếng của Tuệ Viễn; ngọn núi cao vọt giữa bốn biển sắc thu là sự thanh cao của Tuệ Viễn; người như rồng, tăng như phụng đều khen nguyên tắc là khuôn phép của Tuệ Viễn. Mây trắng, hang son, cây ngọc, cỏ quỳnh đều là nơi dừng chân của Tuệ Viễn. Người sinh sau tuy mến mộ nhưng hận. Xem di tượng này xin cúi đầu làm lễ, nguyện lấy những mảnh văn tản mạn viết lại trên vách thất.

4. Tên họ mười tám vị Đại Hiền ở Lô Sơn.

1. Tổ sư Tuệ Viễn, húy Tuệ Viễn, người ở Lô Phiền thuộc Nhạn Môn, họ Giả.
2. Pháp sư Vĩnh, húy Tuệ Vĩnh, họ Phần, người ở Hà nội.
3. Pháp sư Trì, húy Tuệ Trì, là em của Tuệ Viễn. Hai anh em cùng thờ Pháp sư Đạo An làm thầy.
4. Pháp sư Sinh, húy Đạo Sinh, xuất thân từ họ Ngụy, người ở Cự Dã.
5. Tôn giả Phật-đà-da-xá, Hán dịch là Giác Minh, thuộc dòng họ Bà-la-môn ở nước Kế tân.

6. Tôn giả Phật-đà-bạt-đà-la, Hán dịch là Giác Hiền, là cháu của vua Cam Lộ Phạn.
7. Pháp sư Duệ, húy là Tuệ Duệ, người ở Ký châu.
8. Pháp sư Thuận, húy là Đàm Thuận, người ở Quảng long.
9. Pháp sư Kính, húy là Đạo Kính, họ Vương ở Lang-da, theo Tổ Ngưng Chi đến ở Giang châu.
10. Pháp sư Hằng, húy Đàm Hằng, người ở Hà Đông, là đồng tử xuất gia, không rõ tên họ.
11. Pháp sư Bình, húy Đạo Bình, họ Trần, ở Dĩnh xuyên.
12. Pháp sư Trầm, húy Đàm Trầm, người ở Quảng lăng, không biết tên họ.
13. Lưu Di Dân, húy Trình Chi, tự Trung Tư, người ở làng Bành thành, con cháu của vua Hán Sở Nguyên.
14. Tán kỵ thường hầu Lô Công, húy Tông, tự Trọng Luân, người ở Nam xương.
15. Thái tử Xá Nhân Tông Công, húy là Bính, tự là Thiếu Văn, người ở Nam dương.
16. Trị trung Trương Công, húy là Dã, tự Lai Dân.
17. Tán kỵ thường hầu Trương Công, húy Thuyên, tự là Tú Thạc, dân tộc Mông.
18. Thông Ẩn Xử sĩ Chu Công, húy là Tục Chi, tự Đạo Tổ, người ở Quảng võ thuộc Nhạn môn.

5. Thiên sư Quán Hữu đề thơ ở ảnh đường thờ mười tám vị Đại Hiền.

*Sen trắng bên ao ảnh đường xưa
Phong cách Lưu, Lô vang dội khắp
Xem nhẹ Thiên tử, các chư hầu
Chỉ mến thầy tôi dòng pháp dài
Người quá tham đắm vời chẳng được
Tạ công tâm loạn, hết phương chữa
Người nào đến đây nghĩ mông lung
Như gió thoảng qua bức tường thấp.*

6. Nói về việc thành đạo của Tổ Tuệ Viễn.

Sách Lễ Ký ghi:

Tiên tổ không khen ngợi tốt đẹp là vu báng, có điều tốt mà không biết là ngu si, biết mà không dạy cho người khác là bất nhân. Ba điều này người quân tử rất hổ thẹn. Chao ôi! Ta là học trò của Đức Phật há không như vậy chứ?

Ngài Tuệ Viễn - Tổ sư của ta đức hạnh, giai vị, công đức rộng lớn, sáng ngời mà vẫn hạ mình dạy dỗ cho rất đông người ngu dốt. Vì Sư muốn làm người dẫn dắt những người kém phước duyên nhưng lại là kẻ chẳng ra gì, sự học ít ỏi, tài đức kém yếu, chưa thể noi theo kế thừa Tông bảo trước, bèn một mình học rõ giáo lý. Chẳng lẽ cũng hổ thẹn ư? Sư từng tham học với Thiền sư Tú - người thông kinh luận ở thạch thất. Sư bảo: cách Khổng Tử một trăm năm có Mạnh Tử tiếp nối tông chỉ. Lúc ấy, đạo cơ của Khổng Tử suy vi, trục xe ở đây có năng lực đi vào quỹ đạo của nó, làm hưng thịnh môn phong, khiến mọi người nỗ lực. Phật giáo từ phương Đông truyền đến khoảng ba trăm năm có Tuệ Viễn. Lúc ấy, Sa-môn dần dần hưng thịnh, nhưng chưa được độc lập, Sư đặt ra hiến chương, khuôn phép tốt đẹp, làm Tông sư của thiên hạ. Thế nên, đạo Phật từ đây mới được hưng khởi. Vì thế gọi Tuệ Viễn là người có công lớn trong dòng họ Thích. Cũng như Mạnh Tử, học trò của Khổng Tử. Ngài Tuệ Viễn cho cao tăng và kẻ sĩ trong triều đình đồng tu Tịnh xã. Đạo của Sư vang dội đến đế vương, pháp lưu truyền khắp trong nước. Người đời sau tu tập pháp môn niệm Phật không ai không biết nguồn cội của Tổ mình.

Người nào đánh mất nguồn cội của mình, truyền bá nhiều kiến chấp và nói về sự bạc phước của thế gian thì đó là bọn Xiển-đề, họ dối chọn Lô Sơn ghi thành Đạo ký thêm văn từ trau chuốt, lời nói không có căn cứ để làm cuồng loạn, mê hoặc thiện tín, truyền khắp mọi người, đến nay không thể sửa đổi.

Tôi đã xem kỹ Đại tạng, Hoàng Minh Tập, Cao Tăng truyện và quán sát tường tận yếu chỉ của nó nên nêu lên sơ lược bầy việc để phá trừ mê lầm cho mọi người. Người hiểu biết thì noi theo gương Ngài Tuệ Viễn, đánh lễ Pháp sư Đạo An ở núi Thái Hành mà xuất gia vọng truyền là thờ Tôn giả Chiên-đàn làm thầy là điều dối gạt thứ nhất. Vọng cho rằng Đạo An là cháu của Tuệ Viễn là điều dối gạt thứ hai. Tuệ Viễn ba mươi năm không ra khỏi núi, không đến nhà thế tục mà vọng cho là Bạch Trang bắt được là điều dối gạt thứ ba. Tấn Đế ba lần vời Tuệ Viễn nhưng Sư viện cớ bệnh để chối từ lời mời, mà cho là bán thân cho Thôi tướng công làm tôi tớ là điều dối gạt thứ tư. Cánh tay của Ngài Đạo An có vòng thịt mà dối cho là Tuệ Viễn là điều dối gạt thứ năm. Lúc sắp qua đời Sư ngồi dưới gốc thông, bảo môn đồ chôn ở Tây Lĩnh. Nay vẫn còn thấy ngôi tháp im lìm lạng lẽ, có thể lấy đó để chứng minh, mà dối cho Tuệ Viễn ngồi trên thuyền ánh sáng chói lọi rồi bay lên cõi trời Đâu-suất là điều dối gạt thứ sáu. Pháp sư Đạo Sinh ở Hồ Khâu giảng

kinh, chỉ đá phát thệ nguyện, đá liền gặt đầu mà dối cho là Tuệ Viễn, đó là điều lừa dối thứ bảy. Đáng thương xót thay những phùng gian tế ở đời không biết được đức hạnh chân thật của Tổ sư vọng tô điểm thêm nhiều việc không căn cứ, gieo vào tâm tưởng người sau những điều không hay, làm cho mọi người chê cười, hủy báng Thánh đức. Người hiểu biết thấy việc đó mà không tìm hiểu nguyên do đúng hay sai, cứ để cho họ xem thường Tổ sư ta ư? Há chẳng làm thân Phật chảy máu, phạm tội ngũ nghịch ư? Tôi có xem các bậc tăng tài đức đời Tống, như Tài Quán, Huệ Nghiêm, Linh Vận, phiên dịch kinh Niết-bàn, thêm bớt ngôn từ. Mơ thấy thần mắng: “Dám lấy phàm tình mà xem nhẹ Thánh điển.” Tài Quán, sợ hãi nên dừng lại.

Huệ Lâm nhờ tài học của mình nên may mắn được vua phong hiệu là Hắc y tể tướng, tự dính mắc vào phải quấy, bàn luận phân biệt, hủy báng Phật giáo, nên chiêu cảm lấy bệnh nặng, thân thể thối rữa mà chết.

Ôi! Những điều như thế đều là vọng viết truyện ký về Tổ sư mà không sợ dọa vào ba đường địa ngục ư? Những người cùng chí hướng với tôi hãy xem xét kỹ về sự tích thật của Tuệ Viễn từ gốc tới ngọn, nói khắp cho mọi người biết để làm rạn vỡ Tổ đạo, ngõ hầu khôi phục lại sự thật của các bậc tiên tổ, rút lại những điều trái ngược ấy.

7. Đại sư Thích Đàm Loan ở Bích cốc.

Sư là người ở Nhạn môn, lúc nhỏ đến núi Ngũ Đài, cảm được khác lạ của nó nên Sư tự phát nguyện xuất gia. Sư đốn tiệm trong Tam Thừa Sư đều nghiên cứu tường tận trong văn lý. Sư từng mang bệnh đến Phần châu, chợt thấy mây ám bay hết, cửa trời rộng mở, sáu tầng trời cõi dục giai vị thượng hạ nhiều lớp. Sư vừa chớp mắt bệnh liền tiêu trừ. Từ đó tất cả việc gì Sư cũng dụng tâm Phật đạo, như sợ không kịp, việc khai thị cho kẻ ngu, dẫn dụ người đời vào đạo không ngơi nghĩ gần xa.

Ban đầu Sư thích Thuật học, nghe ông Đào ẩn cư tu tập đắc được pháp sống lâu, sư lặn lội từ xa đến ông Đào để xin mười quyển kinh tiên. Ông Đào cho Sư, sư rất vui mừng tự đắc, cho là pháp thuật của thần tiên chính là đó. Sau, sư trở về Lạc Hạ gặp Bồ-đề-lưu-chi, trong ý khá tự đắc nên hỏi Ngài Lưu-chi: Đạo Phật có thuật sống lâu hay không? Đạo Phật có khả năng làm trẻ mãi, không già không chết chăng?

Ngài Lưu-chi cười, đáp:

- Sống lâu không chết chính là đạo Phật ta. Sư bèn trao quyển kinh Vô Lượng Thọ cho Đàm Loan, nói: Ông hãy tụng kinh này thì không sinh vào ba cõi, sáu đường. Tất cả những điếm lành, dữ, tốt xấu

trong hư không đều không thể đến. Tuổi thọ thì có kiếp thạch, có hà sa, số kiếp thạch và hà sa có hạn lượng, còn tuổi thọ con người ở đây rất dài lâu không thể tính kể, không có kỳ hạn. Đó là quyển sách sống lâu của họ Kim tiên ta.

Ngài Đàm Loan vâng theo lời nói đó, phát tâm tin sâu, liền đốt các sách kinh Tiên mà chuyên quán kinh này.

Sư thường xem kinh, hiểu được nghĩa lý, tu ba thứ phước nghiệp, quán tưởng hình tướng chín phẩm, tuy nói lạnh nóng thay đổi, bệnh tật xâm nhập nhưng vẫn không bỏ niệm ban đầu. Chúa nhà Ngụy thương xót ý chí ấy lại chuộng sự tự hành hóa tha của Sư và có đạo nghiệp rộng lớn nên ban hiệu là Thần Loan và bảo Sư đến trụ trì chùa Đại nghiêm ở Tinh châu. Không bao lâu sư dời đến trụ chùa Huyền trung, ở Phần châu. Đêm nọ, Ngài Đàm Loan đang tụng kinh, có một vị phạm tăng khí phách hơn người đến thất sư, nói: Long Thọ ta đã ở Tịnh độ, vì người có tâm Tịnh độ nên ta đến gặp người.

Ngài Đàm Loan hỏi:

- Ngài dùng giáo pháp nào dạy tôi?

Long Thọ đáp:

- Quá khứ không thể đến, vị lai không thể truy tìm, hiện tại nay ở đâu? Thời gian trôi qua khó giữ lại. Nói xong biến mất.

Ngài Đàm Loan xét điều đã thấy tốt đẹp khác thường thì biết được kỳ hạn của sinh tử, bèn tập hợp mấy trăm vị đệ tử giảng dạy kỹ càng và căn dặn rằng: Ta đã dạy bảo rằng bốn loài sinh khổ nhọc đều dừng, các khổ địa ngục không thể không sợ, Tịnh nghiệp không thể không tu. Do đó khiến các đệ tử đồng thanh lớn tiếng xưng niệm A-di-đà Phật. Ngài Đàm Loan hướng về phương Tây nhắm mắt rồi thị tịch. Lúc đó đạo tục đồng nghe âm thanh như tiếng ty trúc reo từ phương Tây vọng đến, giây lâu Sư bèn hóa.

8. Đại sư Thiên Thai Trí Giả.

Sư húy Trí Khải, tự Đức An, họ Trần, người ở Dĩnh Xuyên. Mẹ sư họ Từ, nằm mộng thấy khói hương năm màu bao quanh thân bà, sau đó bà có mang. Đến ngày sinh ra sư có ánh sáng thân diệu chiếu sáng rực cả phòng. Mỗi mắt sư có hai con người, lông mi chia thành tám màu. Thuở nhỏ, sư nhìn thấy hình tượng Phật liền đánh lễ, gặp chur tăng thì vái chào. Đến năm mười tám tuổi Sư đến chùa Quả nguyện ở Tương châu xuất gia, tụng kinh Pháp Hoa, thông cả Luật tạng, tánh thích tu Thiên nên Sư đến núi Đại Tô đánh lễ Thiên sư Tuệ Tư, quay mặt về hướng Bắc thờ Thiên Sư làm thầy.

Thiền sư Tuệ Tư vừa gặp Sư liền nói: Ngày xưa ở Linh sơn chúng ta đã từng nghe kinh Pháp Hoa, túc duyên đã đến, nay chúng ta lại gặp nhau. Nhân đây Ngài trao Tam-muội Pháp Hoa cho Trí giả, sư tụng kinh suốt hai mươi mốt ngày, lúc tụng đến câu “Chân tinh tấn, đó gọi là chân pháp cúng dường” trong phẩm Dược Vương Bốn Sự thì thân tâm Sư bỗng nhiên vắng lặng mà như nhập thiền định. Sư thấy rõ nghĩa Pháp Hoa như ánh sáng mặt trời chiếu soi muôn vật; thấu đạt các pháp tướng như gió mát thổi trong hư không. Sư bèn đem điều đã chứng bạch Thầy, Thầy bảo:

- Chẳng phải ông không chứng, chẳng phải ta không biết. Sở chứng của ông là Pháp Hoa Tam-muội tiền phương tiện đắc toàn Đà-lani, Ông là người bậc nhất trong những vị giảng kinh Pháp Hoa. Sau này hãy truyền bá giáo pháp khắp cùng thành thị thôn quê. Lúc mọi người chịu khuất phục, công việc hoằng hóa sắp xong thì Ngài vào Thiên Thai hàng ma, tinh tấn tu hành. Việc hóa duyên đã mãn, Sư đến trước tượng đá lớn ở Tân Xương thị hiện bị bệnh và nói với các đệ tử là sẽ tịch diệt. Các đệ tử thỉnh Sư nói cho họ biết nơi sư sắp sinh về. Sư bảo:

- Các thầy bạn của ta đều theo Bồ-tát Quán Âm đến đón rước ta. Đến tối, người thị giả thấy có Phật đến, thân Phật cao gấp hai tượng đá lớn. Lúc sắp qua đời, Sư bảo các đệ tử tụng kinh Vô Lượng Thọ và Quán kinh, sư mở mắt rồi quay sang đại chúng chấp tay khen ngợi rằng:

- Bốn mươi tám nguyện trang nghiêm Tịnh độ, ao hoa, cây báu dễ đến mà không có người, tướng xe lửa hiện, một niệm sửa đổi vẫn được vãng sinh, hướng chi huân tu giới định, tu thắng hạnh, đạo lực thật không lường uống. Nói xong, sư xưng danh hiệu Tam bảo rồi thân nhiên mà hóa. Về sau, có vị Tăng cầu xin được biết chỗ sinh của Ngài Trí Giả, liền mộng thấy kim dung Bồ-tát Quán Âm cao mấy trượng, Ngài Trí Giả theo sau và nói với vị Tăng: Ông đã hết nghi chưa? Như thế nên nghiệm biết Ngài Trí Giả vãng sinh Tây phương.

9. Hòa thượng Thiện Đạo ở kinh đô.

Thích Thiện Đạo vào niên hiệu Trinh Quán đời Đường, Sư đi khắp nơi hỏi đạo, gặp Thiền sư Đạo Xước ở Tây hà tu tập Phương Đẳng sám và giảng Quán kinh tại đạo tràng Tịnh độ cửu phẩm, sư rất vui mừng nói rằng: Đây đúng là bến bờ then chốt để vào cửa Phật. Nếu tu các pháp môn khác quanh co phức tạp khó thành tựu, chỉ có quán môn này mau vượt khỏi sinh tử. Nay ta đã được pháp môn này. Từ đó sư dốc chí khổ công tu tập như cứu lửa cháy đầu rồi tiếp tục đến kinh đô để kích phát bốn bộ đệ tử, không kể sang hèn, hàng thịt, bán rượu, ai ai Sư cũng

đều giúp cho họ được giác ngộ. Sư dạy mỗi người nhập Phật thất chấp tay, quỳ thẳng nhất tâm niệm Phật, không kiệt sức thì không nghỉ, cho đến trời lạnh cũng phải tháo mồ hôi. Tướng trạng này bày tỏ lòng chí thành, Sư vì người nói pháp Tịnh độ để giáo hóa các đạo tục, khiến họ phát đạo tâm tu hạnh Tịnh độ, không có tạm thời, không vì lợi ích, hơn ba mươi năm không có chỗ ngủ riêng, không ngủ nghỉ trái thời, trừ lúc tắm gội ngoài ra Sư không hề cởi y, Ban-chu hành đạo, lễ Phật phương đăng... Sư đều chuyên tâm làm tròn trách nhiệm, hộ trì giới phẩm không hề phạm một lỗi nhỏ nhặt nào, không hề nhìn người nữ, không màng đến danh lợi, tránh xa sự nói chơi vui đùa. Chỗ ở của Ngài, nếu có Đàn-việt thanh tịnh cúng dường bốn thứ cần dùng như thức ăn, y phục... cho Sư thì sư không tự hưởng riêng mà đem những thức ăn ngon để vào nhà trừ cúng dường cho đại chúng còn mình chỉ ăn những món dở. Sư không uống các thứ sữa, lạc, đề hồ. Mọi vật của Đàn-việt cúng Sư dùng vào việc viết kinh A-di-đà hơn mười muôn quyển. Ngoài ra còn họa hơn ba trăm bức biến tướng Tịnh độ.

Thấy vách tường chùa bị xuống cấp và ngôi tháp cũ kỹ, Sư phát tâm xây dựng lại, đốt hương thắp đèn quanh năm không để tắt. Ba y và bình bát sư không nhờ ai ôm và rửa, trọn đời không thay đổi, luôn giáo hóa những người có duyên. Mỗi khi đi đâu thì chỉ đi một mình chứ không đi với đại chúng, vì sợ đi với người sẽ bàn nói việc thế gian trở ngại việc tu hành. Nếu có người thưa hỏi việc tu tập, đánh lễ yết kiến sư, mong được nghe Sư giảng một ít giáo pháp thì người ấy sẽ được dự vào đạo tràng, đích thân được nghe lời chỉ dạy, hoặc không hề thấy nghe phải suy tầm giáo nghĩa, hoặc xoay vần trao truyền pháp môn Tịnh độ. Xa gần đều đến nghe, tăng ni, sĩ nữ có người bỏ thân nơi núi cao, đốt thân cúng dường. Có hơn trăm người bỏ vợ con, tu Phạm hạnh, tụng kinh Di-đà từ mười muôn đến ba mươi muôn biến, mỗi ngày niệm Phật A-di-đà từ một muôn đến mười muôn câu và người được Tam-muội niệm Phật vắng sinh Tịnh độ không biết là số bao nhiêu.

Có người hỏi Ngài Thiện Đạo: Khéo niệm Phật thì sinh về Tịnh độ phải không?

Sư đáp: Đúng như ông nghĩ, sẽ được thỏa nguyện. Ngài Thiện Đạo chuyên niệm Phật A-di-đà, cứ như thế, hễ niệm một câu thì có một luồng ánh sáng từ trong miệng phát ra. Niệm mười câu cho đến trăm ngàn câu thì ánh sáng cũng giống như thế. Sư nói với mọi người: thân này luôn bị các thứ khổ ép ngặt, nó giả dối, luôn thay đổi không chút ngừng nghỉ, thật đáng nhàm chán. Nói rồi Sư liền leo lên cây liễu ở

trước chùa xoay mặt về hướng Tây nguyện rằng:

- Nguyện uy thần của Phật đến tiếp dẫn con, Bồ-tát Quán Âm và Bồ-tát Thế Chí cũng đến giúp sức cho con, khiến cho tâm con luôn giữ chánh niệm, không sinh tâm sợ hãi, nguyện ở trong pháp Di-đà không lui sụt. Nguyện xong, sư đứng thẳng trên cây mà hóa. Bấy giờ, các sĩ đại phu ở kinh đô đều nghiêng mình thành kính, quy tín, họ cùng nhặt xương của Sư đem chôn.

Hoàng đế Cao Tông biết Sư niệm Phật miệng phát ra ánh sáng, lại biết lúc lìa bỏ báo thân tinh chí đến như thế nên ban tặng chùa một tấm ngạch đề là Quang Minh.

Thiên Trúc Thức Sám chủ lược truyền rằng:

Hóa thân của Phật A-di-đà tự đến Trường An, nghe tiếng suối chảy róc rách Hòa thượng liền bảo, có thể dạy mọi người pháp môn niệm Phật. Thế rồi Sư liền lập ngũ hội giáo, khuyến hóa rộng khắp. Có người chí tín thấy Hòa thượng niệm Phật, Phật từ trong miệng bay ra. Ba năm sau khắp thành Trường An đều được Sư dạy pháp môn niệm Phật. Việc này thấy trong Biệt truyện.

Về sau, có Đại sư Pháp Chiếu tức là thân sau của Ngài Thiện Đạo, thời vua Đức Tông ở Tinh Châu cũng tu tập ngũ hội, dạy mọi người niệm Phật, vua ở Trường An nghe phương Đông Bắc có tiếng niệm Phật nên liền sai sứ đi tìm. Khi đến Đại Khang quả nhiên sứ giả thấy Đại sư Pháp Chiếu khuyên dạy người niệm Phật. Vua liền đón rước Sư vào nội cung, dùng giường dây của Lưu Cầu dạy người trong cung về ngũ hội niệm Phật. Việc này có nói rõ trong bốn truyện.

10. Đại sư Pháp Chiếu ở Kim đài.

Thích Pháp Chiếu vào niên hiệu Đại lịch thứ hai, đời Đường trụ chùa Vân Phong, ở Hành Châu, thường từ nhẫn lấy giới, định làm chỗ quay về. Một hôm, sư ở trong thiền đường tăng ăn cháo, bỗng thấy đám mây năm màu trong bát. Trong đám mây có ngôi chùa ở phía Đông Bắc, ngôi chùa có núi lớn, trong núi có dòng suối chảy, phía Bắc dòng suối là Thạch môn, cửa rộng năm dặm, phía sau là ngôi chùa đề bằng vàng: Đại Thánh Trúc Lâm Tự.

Tuy chính mắt sư nhìn thấy nhưng trong lòng còn hoài nghi chưa tin chắc. Ngày nọ, trong lúc ăn cơm sư lại thấy đám mây năm màu hiện ra trong bát. Trong đám mây có hiện vài ngôi chùa nhưng không có núi rừng dơ bẩn mà thuần là thế giới màu vàng ròng: Ao báu, đài báu, lầu gác đẹp, có rất nhiều cửa báu và các Bồ-tát ở trong đó. Trong cõi đó có rất nhiều cõi nước Phật trang nghiêm thanh tịnh, vô số hình ảnh đẹp đẽ.

Sư rất vui với điều mình thấy, nhân đó đem thưa hỏi, có hai vị Tăng là Gia Diên và Đàm Huy nói: Thánh thần biến hóa không thể dùng phạm tình mà suy lường. Nếu nói về thế núi, sông thì chính là Ngũ Đài sơn. Bốn mùa hạ Ngài Pháp Chiếu ở chùa Hồ đông, thuộc Hành châu mở đạo tràng Ngũ hội niệm Phật.

Ngày 2 tháng 6 năm ấy đám mây lành năm màu giăng phủ khắp chùa, trong đám mây cũng có lều gác. Phía trên gác có vài vị Phạm tăng thân cao hơn một trượng, cầm tích trượng hành đạo. Sư lại thấy Phật A-di-đà cùng hai vị Bồ-tát thân cao lớn bằng với hư không. Trời đã về chiều, sư ở trong đạo tràng ra ngoài gặp một ông lão, ông lão hỏi: Trước kia ông đã phát nguyện ở thế giới Kim sắc để đánh lễ gần gũi các bậc Đại Thánh. Nay vì sao lại dừng ở đây?

Sư đáp: Bây giờ gian nan, đường xá khó đi, không dừng thì biết làm sao?

Ông lão bảo: Nếu hết lòng đi thì sẽ đi đến, có gian khó gì. Sư chưa kịp trả lời thì ông lão đã biến mất.

Sư vào đạo tràng, do thấy kỳ lạ khác thường nên lại phát nguyện: nguyện đem thân này kính thờ, gần gũi Đại Thánh. Tuy lửa dữ băng giá con cũng không bao giờ lui sụt.

Ngày 13 tháng 8 năm ấy, sư cùng vài người bạn đồng tu từ núi Nam Nhạc đi đến phía trước nhưng không gặp gian nan hiểm trở.

Ngày 5 tháng 4 năm thứ 5, Sư đến huyện Ngũ đài. Từ xa nhìn thấy phía Nam ngôi chùa có mấy luồng ánh sáng. Đến ngày mồng 6, Sư đến chùa Phật Quang như đã thấy trong bát, không sai tí nào. Đến canh tư đêm ấy có một luồng ánh sáng lạ từ phương Bắc chiếu vào người sư, sư không biết thế nào, bèn hỏi:

- Đây là điềm gì? Tốt hay xấu?

Chúng tăng nói:

- Luồng ánh sáng không thể suy nghĩ bàn luận của bậc Đại Thánh thâm nhiếp thân tâm ông, sao còn hỏi.

Nghe xong, Sư giữ oai nghi đầy đủ, đến trước một ngôi chùa. Phía Đông bắc của ngôi chùa đó rộng khoảng năm dặm quả là có núi, có suối, phía bắc dòng suối là thạch môn, bên cạnh thạch môn có hai đồng tử là Thiện Tài và Nan-đà. Hai đồng tử dẫn Sư đi vào cửa phía Bắc, đi được khoảng năm dặm, Sư thấy một cửa vàng, trên cửa có lều, bên cạnh lều gác là ngôi chùa, cửa chùa có một tấm biển vàng lớn đề chữ: Đại Thánh Trúc Lâm Tự, khuôn viên chùa rộng khoảng hai mươi dặm, hơn một trăm viện, mỗi viện đều có tháp báu, đất bằng vàng ròng, hoa

đài, cây báu đầy khắp trong đó. Sư vào chùa, đi đến giảng đường thấy Bồ-tát Văn-thù ở phía Tây, Bồ-tát Phổ Hiền ở phía Đông đều ngồi trên tòa sư tử cao. Sư đến làm lễ hai vị Bồ-tát và thưa:

Đời mạt thế, phàm phu hiểu biết kém cỏi, tâm địa Phật tánh không biết nhờ đâu mà hiển hiện. Chẳng hay dạy cho họ phương pháp tu tập nào là tốt nhất, xin Đại Thánh xé tan lưới nghi ngờ cho con.

Ngài Văn-thù đáp:

- Điều ông hỏi nay thật đúng lúc, trong các pháp môn tu tập, không pháp nào hơn pháp môn niệm Phật, ở đời quá khứ ta nhờ niệm Phật mà được nhất thiết chủng trí. Thế nên, tất cả các pháp như Bát-nhã ba-la-mật-đa, thiền định sâu xa cho đến biển Chánh biến tri của chư Phật đều từ niệm Phật mà sinh ra.

Sư hỏi: Phải niệm như thế nào?

Ngài Văn-thù đáp: Ở phương Tây thế giới này có Đức Phật A-di-đà. Nguyên lực của Đức Phật ấy không thể suy nghĩ bàn luận. Ông nên niệm danh hiệu của Đức Phật ấy nối nhau, không để đứt quãng thì sau khi qua đời chắc chắn vãng sinh. Lúc nói lời ấy hai vị Bồ-tát duỗi cánh tay màu vàng xoa đầu sư và thọ ký rằng: Ông niệm Phật không thể suy nghĩ bàn luận, rốt cuộc sẽ chứng lên bậc Vô thượng giác. Nếu thiện nam, tín nữ nào muốn thoát khỏi cõi Ta-bà thì phải nên niệm Phật.

Bấy giờ, hai vị Bồ-tát cùng nói Già-đà, Sư nghe rồi càng thêm vui mừng. Bồ-tát Văn-thù lại bảo: Ông hãy đi đến viện của các Bồ-tát, tuân tự đánh lễ cầu mong các Ngài chỉ dạy.

Sư y theo lời dạy, lần lượt đánh lễ các vị Bồ-tát, xin được chỉ dạy. Rồi lần lượt đến vườn hoa thất bảo, từ vườn hoa đó đi ra, ở trước Đại Thánh làm lễ từ giã rồi ra về. Sư lại thấy hai đồng tử Thiện tài, và Nan-đà tiễn Sư ra đến cửa. Sư liền vái chào từ biệt, vừa ngẩng đầu lên thì hai đồng tử đã biến mất. Đến ngày 30, sư cùng với hơn năm mươi vị Tăng đến động Kim cương, chỗ ngày xưa Ngài đã gặp Đại Thánh, thì bỗng thấy đất đai rộng lớn trang nghiêm thanh tịnh, các thứ châu báu lưu ly... xây thành cung điện. Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền và khoảng mười ngàn vị Bồ-tát, Phật-đà-ba-ly cũng ở trong đó. Thấy rồi sư theo chúng trở về chùa.

Canh ba đêm ấy ở lầu gác phía Tây viện Hoa nghiêm, sư lại thấy năm cây đuốc ở hang núi phía Đông chùa, những cây đuốc ấy cao hơn một thước, Sư nguyện: Nguyện năm cây đuốc ấy phân thành trăm cây và đốn về một phía. Tức thời đuốc phân đúng như nguyện. Sư lại nguyện trăm cây đuốc phân thành ngàn cây. Tức thời đuốc liền phân

đúng như nguyện, hàng hàng thẳng tắp đều nhau, ánh sáng rực rỡ khác thường, chiếu khắp cả núi rừng. Sư lại đi về động Kim cương, xin gặp Đại Thánh. Đến canh ba Sư thấy một vị Phạm tăng tự xưng là Phật-đà-ba dẫn sư vào chùa.

Đến ngày 1 tháng 12 Sư ở viện Hoa nghiêm, vào trong đạo tràng niệm Phật, nhớ lại hai vị Bồ-tát Văn-thù, Phổ Hiền thọ ký cho Sư sẽ chứng Vô thượng giác, lại bảo Sư niệm Phật A-di-đà chắc chắn được vãng sinh. Từ đó sư nhất tâm niệm Phật. Đang lúc niệm Phật, bỗng thấy vị Phạm tăng khi xưa đến, vào đạo tràng bảo:

- Đài hoa ở Tịnh độ đã hiện, ba năm sau hoa nở, ông sẽ sinh về đó. Đúng như điều ông đã thấy ở chùa Trúc lâm, sao không cho mọi người cùng biết? Nghe xong, sư nhớ lại điếm mộng ngày xưa, nhân đó bảo thợ khắc vào đá, đem những điều đã thấy về ngôi chùa Trúc lâm xây thành một ngôi chùa, đặt tên là Trúc lâm. Chùa đã hoàn bị, Sư bảo: Việc ta đã xong, không lưu lại nơi đây thêm ngày nào nữa. Nói xong, sư viên tịch trong ngày đó.

11. Pháp sư Thiệu Khang ở Mục châu.

Sư là người ở Tiên đô thuộc Tấn vân, mẹ họ La. Một hôm, bà đi dạo trên ngọn đỉnh hồ được một ngọc nữ cầm hoa sen xanh trao cho bà và nói: Trao hoa kiết tường này cho bà, bà sẽ sinh một quý tử.

Đến ngày sư chào đời, ánh sáng xanh chiếu khắp cả phòng, mùi thơm tựa như hoa sen. Năm lên mười lăm tuổi, sư tụng năm bộ kinh như Pháp Hoa, Lăng-nghiêm v.v..., tìm xét, nghiên cứu Tỳ-ni và nghe luận Hoa Nghiêm, luận Du-già.

Niên hiệu Trinh nguyên năm đầu, Sư đến chùa Bạch mã ở hạ lưu sông Lạc, thấy văn tự trong điện phát ra ánh sáng. Sư không thể suy lường được liền tìm xem ánh sáng phát từ đâu thì biết được ánh sáng ấy phát ra từ quyển Tây phương Hóa Đạo Văn của Ngài Thiện Đạo. Sư nói:

- Nếu có nhân duyên với cõi Tịnh độ thì hãy khiến cho văn tự này phát ra ánh sáng một lần nữa. Chưa dứt lời nguyện, quả nhiên chữ ấy phát ra ánh sáng. Sư phát nguyện:

Kiếp thạch có thể dời, nhưng nguyện con không thể đổi. Nguyện rồi sư bèn đến ảnh đường thờ Ngài Thiện Đạo ở Trường An để đánh lễ cúng dường. Bỗng nhiên thấy Ngài Thiện Đạo hiện giữa hư không nói với sư rằng: Ông nương theo giáo pháp ta làm lợi ích an vui cho chúng hữu tình thì công đức sẽ được vãng sinh về nước An dưỡng. Sư nghe xong như có sở chứng, từ phương Nam đi về chùa Quả nguyện ở Giang

lăng. Trên đường đi sư gặp một vị Tăng, vị ấy nói với sư: Ông muốn dạy người niệm Phật thì hãy đến Tân Định. Nói xong, vị Tăng ấy biến mất, Sư liền đến Mục châu, dân chúng ở đây chưa được ai giáo hóa, sư bèn cho tiền dẫn dụ lũ trẻ con, bảo: Đứa nào có thể niệm một câu A-di-đà Phật thì sẽ được một tiền, các đứa trẻ nghe được tiền thì xúm tới niệm Phật thật đông. Sư bảo: Niệm Phật mười câu thì sẽ được một tiền. Như thế một năm, người lớn, trẻ nhỏ, kẻ sang, người hèn hễ thấy Sư là niệm A-di-đà Phật. Từ đó người niệm Phật ngày một đông, đầy khắp đường phố.

Vào niên hiệu Trinh Quán thứ 10, sư xây dựng đạo tràng Tịnh độ ở núi Ô long, lập đàn Tịnh độ tam cấp. Những người hành đạo sớm tối ghé vào đạo tràng, sư tự thăng tòa bảo nam nữ đệ tử xoay mặt về phương Tây lớn tiếng niệm Phật A-di-đà. Mọi người thấy Sư niệm Phật một câu thì Phật từ miệng sư bay ra, niệm nối nhau mười câu thì Phật bay ra nối nhau như râu chuỗi. Sư hỏi:

- Các vị có thấy Phật chăng? Nếu thấy Phật thì chắc chắn sinh về Tịnh độ. Trong chúng hội lễ Phật cũng có người không thấy.

Ngày 3 tháng 10 niên hiệu Trinh Quán thứ 21, Sư bảo với đạo tục là sẽ về cõi An dưỡng, để phát khởi sự tinh tấn cho mọi người, Sư bảo cuộc sống ở cõi Diêm-phù-đề này rất đáng nhàm chán nên muốn lìa bỏ. Lúc ấy thấy Phật mới thật là đệ tử của ta.

Nói dứt lời Sư liền phát ra những tia sáng lạ thường rồi an nhiên mà hóa. Tháp thờ sư được xây dựng ở Đài Tử Nham, về sau được Thiên sư Thiên Thai Đức Thiệu xây dựng mới lại. Người dân ở đó phần đông cho tháp ấy là tháp thờ Ngài Thiện Đạo.

12. Đại sư Tĩnh Thường.

Sư húy Tĩnh Thường, tự là Tạo Vi, người ở Tiền đường, con của họ Nhan. Năm mười bảy tuổi sư xuất gia, thọ giới cụ túc, tu tập rất nghiêm, thông hiểu Đại thừa Khởi Tín, tu tập pháp môn Thiên Thai chỉ quán, kế thừa di phong của Ngài Tuệ Viễn ở Lô Sơn.

Vào niên hiệu Thuần Hóa đời Tống, Sư trụ chùa Chiêu Khánh, ở Hàng Châu, chuyên tu Tịnh nghiệp, kết xã Tịnh Hạnh. Tướng quốc Hưởng công, Vương Văn chính công lại đứng đầu xã. Các sĩ đại phu đến dự hội đều tặng thơ tụng, tự xưng là Tịnh Hạnh đệ tử. Sư bèn chích ngón tay, lấy máu hòa mực viết phẩm Tịnh Hạnh kinh Hoa Nghiêm. Mỗi lần viết một chữ là lạy ba lạy, đi nhiều ba vòng xưng danh hiệu chư Phật. Đến lúc khắc bản thì in thành một ngàn quyển, chia cho một ngàn người. Sư lại dùng gỗ chiên-đàn hương tạc tượng Phật Tỳ-lô-giá-na, tạc

xong sư quỳ thẳng chấp tay phát nguyện:

“Từ hôm nay con và một ngàn người, tám mươi Tỳ-kheo nguyện phát tâm Bồ-đề, hành hạnh Bồ-tát đến tận đời vị lai. Chúng con nguyện khi lìa bỏ báo thân này, tất cả đều sinh về nước An dưỡng.” Hàn lâm thừa chỉ Tống Bạch soạn bia, Hàn lâm học sĩ Tô Dị Giải soạn lời tựa Tịnh độ phẩm, Trạng nguyên Tôn Hà đề xã khách ở mặt sau bia. Pháp sư Cô Sơn Trí Viên ghi lại hạnh nghiệp của Sư có dẫn bài tựa của Tô Công: “Tôi sẽ trải tóc lột đường cho Ngài bước lên, khoét thân để xin Ngài giảng pháp mà không hề oán giận. Huống chi sự học kém cỏi, văn chương thô cạn mà dám xem thường ư?” Bia của Tống Công ghi:

“Sư mến mộ Tuệ viễn, Tịnh xã ở Lô Sơn, đổi tên Liên Hoa thành Tịnh Hạnh. Cuối đời Tuệ Viễn, những kẻ sĩ cùng kết giao đã ẩn dật hết phân nửa, bậc thượng nhân thì thăng lên thế giới an bình, bạn bè phần đông là Bậc hiền đức. Các danh sĩ thuở trước vẫn còn nhiều nhưng người có thể làm bến bờ, rường cột thì đã hết. Từ hai câu nói của hai vị mà có thể biết pháp môn niệm Phật lúc ấy được thịnh hành. Ngày 20 tháng 1 niên hiệu Thiên Hy thứ 4, sư thị tịch, thọ sáu mươi hai tuổi.

13. Thiên sư Trường Lô Từ Giác.

Sư húy là Tông Trách hiệu Từ Giác, người ở Tương dương, cha chết sớm nên mẹ phải tần tảo nuôi con. Thuở nhỏ Sư học theo đạo Nho, khí tiết thanh cao, học vấn sâu rộng. Năm hai mươi chín tuổi sư đảm lễ Thiên sư Tú ở Trường Lô, thuộc Chân châu xuất gia. Sau khi xuất gia, sư tham cứu thông suốt huyền lý kinh luật, tỏ ngộ “Như Lai chánh pháp nhãn tạng”. Vào niên hiệu Nguyên Hựu, sư trụ trì chùa Trường lô và đón mẹ về ở thất phía Đông phương trượng. Ngoài việc khuyên mẹ cạo tóc xuất gia và nuôi nấng bà, sư còn bảo mẹ cố gắng trì niệm danh hiệu Phật A-di-đà. Thế rồi bà dốc lòng niệm Phật suốt bảy năm. Đến lúc sắp qua đời bà vẫn niệm Phật, an nhiên thị tịch, không hề đau bệnh. Sư cho như vậy là đã hết lòng nuôi nấng mẹ rồi, bèn sáng tác văn khuyến hiếu, xếp một trăm hai mươi vị, soạn Vĩ Giang tập, tọa Thiên châm và còn tuân theo khuôn phép của Lô Sơn, lập Liên hoa thẳng hội, khuyến khích đồng đạo người tăng kẻ tục đồng tu pháp môn niệm Phật. Sư còn dạy họ pháp thứ tự quán tưởng, ngày dự hội, mỗi ngày niệm Phật A-di-đà từ một trăm câu đến một ngàn câu, từ một ngàn câu đến một muôn câu, phát nguyện hồi hướng, cầu sinh Tịnh độ. Trong mỗi ngày, mỗi người cứ niệm một lượt mười câu và tính xem ngày đó mình niệm được bao nhiêu lượt để lập công khóa.

Một đêm sư nằm mộng thấy một người áo trắng, quần khăn đen,

dáng vẻ trông rất thanh lịch, khoảng ba mươi tuổi bảo rằng:

Tôi muốn vào hội Liên Hoa, xin Ngài hãy ghi tên tôi vào. Sư lấy quyển sổ ra và hỏi tên họ, người ấy đáp:

- Tôi tên Phổ Tuệ.

Ghi xong, người ấy lại xin ghi tên cho anh mình. Sư hỏi tên họ, người ấy đáp:

- Anh tôi tên Phổ Hiền.

Nói xong bèn biến mất. Sư thức dậy, bèn thưa hỏi các bậc lão túc, họ bảo: Phẩm Ly Thế gian trong kinh Hoa Nghiêm có hai vị Bồ-tát Phổ Hiền và Phổ Tuệ hộ trì và mở mang Phật pháp, nay ta lập hội cùng hện về Tây phương đã thâm cảm ứng đến hai vị đại sĩ này. Thế nên sư suy tôn hai vị Đại sĩ làm hội chủ. Từ đó xa gần đều biết và cuối cùng sư tịch ở đây.

14. Thiên sư Vĩnh Minh Diên Thọ.

Sư tên Diên Thọ, tự là Xung Huyền, hiệu Bão Nhất tử, người ở Đan Dương, cha họ Vương. Lúc mới sinh ra sư đã có tính khác thường: Khi cha mẹ tranh cãi Sư liền từ trên giường cao lăn xuống đất khiến cha mẹ hết tranh cãi.

Khi lớn lên Sư học đạo Nho, năm mười sáu tuổi sư dâng bài phú Tề Thiên lên vua Ngô Việt, mọi người đều tôn xưng Sư là bậc kỳ tài trong thế gian. Sư muốn xuất gia nhưng cha mẹ không cho, sư rất đau lòng như gai đâm vào tim chảy máu, tự thệ trọn đời ăn chay. Năm ba mươi bốn tuổi, sư quy y Đại sư Vĩnh Minh chùa Long sách, rồi xuất gia thọ giới cụ túc. Buổi sáng phục dịch đại chúng, tối tu Thiền.

Một hôm, nhân xem luận Trí Độ, có đoạn rằng: “Khi Phật còn tại thế có một ông lão xin xuất gia, Xá-lợi-phất không cho. Phật xét thấy ông lão này nhiều kiếp về trước đi nhặt củi bị cọp rượt, ông leo lên cây quýnh quáng niệm “Nam-mô Phật”. Nhờ có chút duyên lành ấy nên đời này gặp Phật, được Phật độ xuất gia và đắc quả La-hán.”

Sư nghĩ, người ở thế gian bị nghiệp chướng trói buộc không thể giải thoát, chỉ có pháp môn niệm Phật mới giáo hóa được họ. Nghĩ rồi Sư liền in bốn mươi vạn bản tháp Di-đà khuyên nhắc người lễ bái niệm Phật, ngày nào cũng sám hối rồi đi nhiễu quanh tượng Phật. Một hôm, Sư chợt thấy hoa sen trên tay tượng Phổ Hiền, nhân đó sư suy nghĩ về nguyện xưa không biết tiến thoái thế nào, bèn làm hai lá thăm, một lá ghi “Nhất tâm thiền định”, một là ghi “Muôn điều lành sinh Tịnh độ”. Đêm đó sư thâm hện rằng: Trong hai con đường này sẽ chọn một để tu tập công hạnh thành tựu, nghĩ đoạn, sư cầm xúc qua bảy lần, đều được

cây thắm “Muôn điều lành sinh Tịnh độ”, từ đó hằng ngày sư đều làm một trăm lễ tám việc: Tụng kinh, lễ Phật, niệm Phật, thuyết giới, bố thí, phóng sinh... không hề lười mỗi hay nghỉ ngày nào.

Vua nước Việt xây dựng ngôi chùa Tịnh Từ, thỉnh Sư đến trụ trì và phong hiệu là Trí Giác Thiền sư. Nhóm họp các vị sư có đức hạnh của ba tông soạn Tông Cảnh Lục một trăm quyển, Vạn Thiện Đồng Quy tập, Thần Thê An dưỡng Phú... chín mươi bảy quyển để lưu hành ở đời. Sư chí thành chuyên niệm Phật, khuyên người đồng niệm Phật để sinh Tịnh độ. Người đời khen ngợi Sư là mực thước của tông môn, cột trụ của Tịnh nghiệp. Lúc sắp qua đời biết trước ngày giờ, rất nhiều việc tốt đẹp.

Khi trà-tỳ xá-lợi đầy khắp thân. Một vị Tăng nọ bị chết, thần thức xuống âm ty, thấy bên trái điện Diêm vương cúng dường bức vẽ một vị Tăng, Diêm vương lễ bái thành khẩn nói: Đây là Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ sinh về Thượng phẩm ở Tây phương, cho nên lễ kính Ngài.

15. Thiên trúc Từ Vân sám chủ.

Sư húy là Tuân Thức, tự Tri Bạch, hiệu là Từ Vân sám chủ, họ Diệp, người ở huyện Lâm hải, thuộc Thai châu. Mẹ Sư cầu nguyện cổ Quán Âm mà sinh ra sư. Ban đầu ở núi Đông dịch, thờ thầy là Nghĩa Toàn. Mười tám tuổi xuất gia, đầu tiên ở chùa Thiên Lâm học luật, kế là đến chùa Quốc Thanh, đến trước tượng Bồ-tát Phổ Hiền đốt ngón tay, thệ học Thai Giáo, học cao hạnh khổ, tiếng tăm bao trùm vùng Lương Triết, rộng tu tập Giáo Quán, chuyên lòng cầu sinh về nước An dưỡng, sư gia hạn cho mình chín mươi ngày tu tập Tam-muội Ban-chu. Vì quá khổ công tu tập nên sư ho ra máu ở đạo tràng, da chân bị nứt, sư lấy cái chết tự thệ nguyện. Một hôm, sư bỗng như nằm mộng, thấy Quán Âm mặc áo trắng duỗi tay chỉ vào miệng sư rồi lấy ra mấy con sâu, và trong ngón tay chảy ra nước Cam lộ rót vào miệng sư. Sư cảm thấy thân tâm mát dịu, bệnh xưa liền khỏi. Khi sám xong, tướng trên đỉnh đầu cao hơn một tấc, hai tay thông quá đầu gối, tiếng nói nghe như tiếng chuông vang và các điều lạ lùng khác đại chúng đều hoan nghênh sư.

Về sau, sư xây chùa Hạ Thiên trúc có mấy trăm phòng, ba lần bị giặc phóng hỏa đốt cháy nhưng lửa tự tắt là do nguyện lực vững chắc mà được như thế. Cho nên ngày sư thị tịch người trong núi thấy ngôi sao lớn bị rơi xuống núi Linh thứu. Sư độ một trăm đệ tử và dạy một ngàn học trò.

Khi sắp qua đời, Sư đốt hương, chiêm ngưỡng tượng và chúc nguyện: Chư Phật mười phương đều trụ ở mé thật, nguyện trụ ở mé thật

này nhận một nén hương của con, chư Phật chứng minh vãng sinh về nước An dưỡng. Có người hỏi chỗ trở về của Sư, Sư đáp là Tịnh Quang Tịnh độ. Một đêm, sư ngồi xếp bằng rồi quy tịch, vào niên hiệu Thiên Thánh, thọ sáu mươi chín tuổi, năm mươi hạ lạc.

Các tác phẩm do sư soạn: Vãng sinh Tịnh độ quyết nghi hạnh nguyện nhị môn, Tịnh độ sám pháp, Kim quang minh, Quán Âm chư bốn sám nghi, hiện còn truyền bá ở đời. Phong giáo của Thiên Thai thanh hành ở đời Ngô Việt là nhờ đức hạnh của Thiên Trúc Từ Vân. Kinh quán Quyết nghi hạnh nguyện nhị môn chép: Mười phương mong cầu chẳng có thừa nào khác, chỉ có Phật thừa. Sám chủ ngộ bản tánh Thường Tịch Quang đó chính là cõi Phật duy tâm thanh tịnh, tự lợi lợi tha, Ngài soạn sự lý không ngăn ngại mấy trăm thiên (sách), mỗi lời nói đều lấy Tịnh độ làm tông quy hướng, để mở mang giáo lý của các kinh, hóa độ tất cả chúng sinh. Từ Sám Văn truyền bá ở đời, người vãng sinh Tịnh độ không biết là bao nhiêu ngàn vạn người, nối tiếp đạo của Thiên Thai, khen ngợi sự hóa độ của pháp môn Tịnh độ, ở đời chưa từng có ai như Ngài.

16. Truyện Văn Lộ Công.

Ông họ Văn, húy Nhan Bác, là Thái thú ở Lạc dương, ông từng đốc chỉ ăn chay. Một hôm, ông đến chùa Long an chiêm lễ Thánh tượng, chợt thấy tượng Phật bị hư hoại, bỏ dưới đất không sửa sang cung kính. Ông nhìn thấy rồi bước ra, bên cạnh có vị Tăng hỏi:

- Sao ông không làm lễ?

Công đáp: Tượng đã hư hoại, làm sao tôi lễ bái được.

Vị Tăng đáp: “Đạo của các bậc tiên đức giống như đất đường cái quan. Người ta đào lên làm tượng, người trí biết đó là đất đường, kẻ phàm cho là tượng tạo ra. Sau đó, quan muốn trở về đem tượng đắp đường, tượng vốn bất sinh bất diệt, đường cũng không mới không cũ.” Công nghe điều đó trong lòng có tỉnh ngộ, do đó rất mến đạo, chuyên niệm Phật A-di-đà, cầu ngày qua đời được sinh Tịnh độ. Sáng dâng hương, tối ngồi niệm Phật không hề lia bỏ. Có lần ông phát nguyện:

Nguyện con thường tinh tấn tu tất cả các thiện pháp, nguyện con hiểu rõ tâm tông, rộng độ tất cả hàm thức. Hễ gặp ai, ông đều khuyên họ niệm Phật, thệ nguyện kết duyên với mười muôn người, đồng sinh về Tịnh độ. Cư sĩ Như Như có bài tụng khen: Biết ông có chí khí lớn như trời nên xin kết mười muôn duyên sinh về Tây phương. Không riêng một mình cầu sự sống an vui mà nguyện tất cả mọi người đều lên bờ giải thoát.

17. Lộ Phủ Tông Thản sơ chủ.

Sư vốn họ Thân, người ở Lê thành, châu Quán lộ. Thuở nhỏ, sư trụ chùa Diên tường ở Bồn châu, xuất gia với Ngài Đạo Cung. Năm mười sáu tuổi sư thọ giới Sa-di, thông suốt nghĩa kinh, được người đời khen ngợi, giỏi tham học với các bậc danh tăng để mở mang hiểu biết. Sư giảng ở Lâm đức, gần năm mươi năm, lấy Đại tạng làm chỗ quay về, lấy viên đốn làm cửa ngõ. Sư đã giảng các kinh như Viên Giác... về sau tập hợp các sơ kinh Viên Giác, kinh Thập Lục Quán v.v... Về già, sư thường ở hai nhà họ Đường và họ Đặng giảng kinh Tịnh độ Quán, khuyên mọi người niệm Phật, cầu sinh Tịnh độ. Bấy giờ người nghe đông đảo đều tu Tịnh nghiệp, sau Ngài ở trấn Thanh đài, Đường châu thề cầu sinh An dưỡng lấy niệm Phật, quán tưởng làm thường trụ, giữ gìn Tam nghiệp, bốn uy nghi chưa từng tạm quên. Ngày 27 tháng 4 niên hiệu Chánh Hòa thứ 4 đời Đại Tống, sư bỗng nằm mộng thấy Phật Di-đà hóa thân đến bảo rằng:

- Ông chỉ giảng pháp trong sáu ngày nữa rồi sẽ về Tịnh độ. Sư thức dậy bảo mọi người: “Ta tu tập cầu vãng sinh Tịnh độ dường như nhân duyên đã tương ứng, ta vừa mộng thấy hóa Phật đến bảo: ông được về Tịnh độ.” Chẳng lẽ không tin ư?

Hôm sau tuy cảm thấy không khỏe nhưng sư không tạm ngừng giảng kinh. Vào giờ sủu ngày 14 tháng 5 năm ấy, biết sắp đến giờ quy tịch, Sư bảo đánh chuông nhóm họp đồ chúng, và dặn dò:

- Nhân duyên có hợp sẽ có tan, đây là lẽ thường, Tịnh độ mới là thắng duyên, chỉ trong khoảnh khắc liền đến. Ta mong các vị niệm Phật để trợ duyên. Sư lại bảo: Bốn đại tan hợp thành thân ta trong bảy mươi sáu năm, nay đã đến ngày chia lìa. Nơi Tịnh độ là chỗ ta quy về, được đánh lễ Đức Phật A-di-đà, thoát hẳn khổ ba cõi. Nói xong, Sư ngồi kiết già thị tịch. Lúc ấy, sấm vang vọng cả hư không, mây trắng từ phương Tây kéo đến giăng tỏa khắp mặt đất suốt ba ngày.

Trước kia sư có một râu chuỗi mã não, lúc sắp qua đời sư đeo nó vào ngón tay. Mọi người không ai lấy ra được. Những điều cảm ứng cũng giống như chỗ khác đã nói.

18. Từ Chiêu Tông chủ.

Sư húy Tử Nguyên, hiệu là Vạn Sự Hưu, họ Mao, núi Côn sơn, thuộc Bình giang, mẹ sư họ Sài. Một đêm, bà mộng thấy Đức Phật chí tôn vào nhà và hôm sau sinh ra sư. Nhân việc đó mà đặt tên Phật Lai.

Cha mẹ mất sớm, họ hàng gửi sư vào chùa Diên tường, vì có chí nguyện xuất gia sư tụng kinh Pháp Hoa. Năm mười chín tuổi, sau khi

xuống tóc sư lại tu pháp Thiền chỉ quán.

Một hôm, đang ở trong định bỗng Sư nghe tiếng quạ kêu liên tở ngộ, làm kệ rằng:

*Hơn hai mươi năm nghiên tâm sách
Suy đi, ngẫm lại, nghĩa chẳng thông
Bỗng nay nghe được âm thanh quạ
Mới hiểu xưa nay dụng tâm lầm.*

Từ đó, Sư phát tâm làm tất cả mọi việc có lợi cho mọi người, Sư kính mến di phong Liên xã của Lô Sơn Viễn công, khuyên người quy Tam bảo, thọ trì năm giới:

1. Không sát sinh.
2. Không trộm cướp.
3. Không tà dâm.
4. Không nói dối.
5. Không uống rượu.

Niệm Phật A-di-đà ngũ thanh để chứng năm giới, kết duyên Tịnh độ. Hễ làm cho ngũ Căn vắng lặng thì đắc ngũ Lực, thoát khỏi ngũ trược. Thế nên Sư rút ra những lời cốt yếu trong Đại tạng viết thành “Liên tông thần triêu sám nghi”, lễ Phật sám hối, thay thế chúng sinh trong pháp giới cầu sinh về nước An dưỡng. Về sau, Sư đến hồ Điển Sơn xây dựng Liên tông sám đường, khuyến khích mọi người cùng tu Tịnh nghiệp. Sư viết Viên Dung Tứ Độ Tam Quán Tuyển Phật Đồ Khai Thị Liên Tông Nhân Mục. Năm bốn mươi sáu tuổi, sư gặp chướng duyên ở châu Lâm giang, dù nghịch cảnh hay thuận cảnh, tâm vẫn thản nhiên không hề lay động, tùy nơi khuyến hóa, liền thành văn tụng, đặt tên là Tây Hạnh tập.

Niên hiệu Càn Đạo thứ hai vua Cao Tông vời Sư đến điện Đức Thọ giảng pháp môn Tịnh độ và phong tặng danh hiệu Khuyến Tu Tịnh nghiệp Liên Tông Đạo Sư Từ Chiếu Tông Chủ và đưa đến chùa Chiêu Khánh ở Tây Hồ Tiền Đường. Chúc Thánh, tạ ân Phật xong, sư trở về Bình Giang phát thệ rằng: “Nguyện tất cả chúng sinh đều hiểu được đạo nhiệm mầu” có lần sư lấy chữ “Tứ” để đặt tên “Tông” chỉ dạy mọi người chuyên niệm Phật A-di-đà để đồng sinh về cõi Tịnh. Từ đó tông phong hưng thịnh, sư tập hợp Di-đà Tiết Yếu, Pháp Hoa Bách Tâm, Chứng Đạo Ca, phong Nguyệt tập để lưu hành ở đời.

Ngày 23 tháng 3, Sư ở Đạt thành xây một thất nhỏ và bảo các đệ tử: Ta hóa duyên đã xong. Bây giờ phải đi thôi. Nói xong, Sư chấp tay từ giã đại chúng rồi an nhiên thị tịch. Ngày 27 trà-tỳ nhục thân có vô số

xá-lợi, xây tháp thờ ở Tùng giang. Tin này lan truyền tới thành thị và khắp thôn quê. Vua Ngô biết được phong hiệu là tháp Tối Thắng.

19. Vô Vi Tử Dương Đề hình đời Tống.

Ông húy Kiệt, tự Thứ Công, người ở quận Vô vi, đạo hiệu là Vô Vi tử, giỏi biện tài. Tuổi còn nhỏ mà đã làm quan đến chức Thượng Thư Chủ Khách Lang Đề Điểm Lương Triết Hình Ngục Sự, nhưng lại tôn sùng Phật pháp, ngộ rõ Thiền tông. Lâm Tế ở Giang Tây giáo hóa bằng đánh hét ông vẫn cho là hạng tầm thường mà mở mang Di-đà giáo quán, nhóm họp những vị mới đến để cùng đàm luận. Ông bảo: Căn tánh của chúng sinh có lợi (nhanh) có độn (chậm lụt) nên chỉ có pháp môn vãng sinh Tây phương Tịnh độ là gần gũi dễ hiểu, đơn giản dễ tu. Chỉ cần nhất tâm quán niệm, nương vào nguyện lực Phật A-di-đà, một bề tu tập, không theo pháp môn khác thì chắc chắn thành công.

Ngài Long Thọ cũng nói: Đây là pháp môn dễ tu vì nương vào nguyện lực Phật A-di-đà.

Ông có viết lời tựa cho luận Thiên Thai Thập Nghi và Vương Cổ Trục Chỉ Tịnh Độ Quyết Nghi Tập, Pháp bảo tăng giám, Di-đà bảo các ký, Ba mươi bài tán nước An lạc và Bị trần Tây phương yếu luật thật là tấm gương cho muôn đời tu tập vãng sinh Tịnh độ. Ông có phụ đạo tập chuyên ghi về Phật thừa, Tô Đông pha viết lời tựa, tóm lược là:

Vô Vi tử bẩm tánh linh cơ, học rộng hiểu nhiều, người đời gọi ông là Thước-la-nhãn Thứ Công mục kích mà vẫn giữ đạo. Tuổi về chiều ông làm Giám ty quận thú bèn tạc pho tượng Phật Di-đà cao một trượng sáu, bất cứ làm việc gì ông cũng quán niệm Di-đà, đến lúc qua đời cảm được Phật đến đón rước. Ông ngồi thẳng mà hóa, có làm bài tụng từ giã cuộc đời rằng:

- Sống không có gì đáng luyến tiếc, chết cũng không có gì để lìa bỏ. Trong bầu hư không này, đã sai lại làm theo cái sai Cực lạc Tây phương.

Giữa niên hiệu Tuyên Hòa có phu nhân của Kinh Vương vãng sinh về Tịnh độ, thấy Ông ngồi trên hoa sen thì khẳng định ông đã vãng sinh rồi. Thế là Tướng sĩ đại phu trong triều hết lời khen ngợi Tây phương Tịnh độ. Họ nhập chánh định thấy chỉ có công đứng bên Vương Mẫn Trọng mà thôi. Há chẳng phải trời muốn đạo ấy trường tồn thì đời phải sinh ra con người ấy ư?

20. Long Thư cư sĩ Vương Hư Trung.

Quốc học Tiến sĩ Vương Nhật Hư, tự Hư Trung, ông khéo vận dụng tài trí để tự hành, hóa tha. Điều này thấy trong bài tựa của Trương

Vu Hồ, ở đây không nói lại.

Ông là người ở Long Thư, có soạn văn Tịnh độ, nhân đó lấy hiệu là Long Thư. Văn ấy rất thịnh hành ở đời, người tu Tịnh độ không ai không xem qua. Vào niên hiệu Càn Đạo, Lý Ngạn Bất ở Lô Lăng bị bệnh nặng, quan quách đã chuẩn bị xong, bỗng ông nằm mộng thấy một vị thần hình dáng thanh tú đến dùng tay xoa thân thể và tay chân Bất. Bất kinh sợ hỏi. Ông đáp:

- Ta là cư sĩ Long Thư.

Bất nhân đó kể lại bệnh tật.

Long Thư nói:

- Ông dạy ăn cháo trắng sẽ lành bệnh ngay. Công lại hỏi: Ông còn nhớ lời của Hám Trọng Nha, dạy ông về đường tắt không?

Bất đáp: Ngày nào cũng niệm Phật không ngừng nghỉ. Từ đó Bất nhờ ăn cháo trắng mà hết bệnh. Về sau thấy dung mạo của Công giống hệt người trong giấc mộng. Bất rất kính trọng Công xưng là sinh tử cốt nhục, và bảo đưa cháu gái từ xa đến học đạo với Công. Ngày nọ, bỗng trở về nói: Cư sĩ đêm nọ, giảng đọc sách xong rồi như thường lệ lễ Phật niệm Phật, đến canh ba chợt niệm lớn vài ba câu A-di-đà Phật, rồi nói Phật đến tiếp dẫn ta và bỗng đứng thẳng mà hóa. Đêm ấy, có người nằm mộng thấy hai cậu bé mặc áo xanh dẫn ông đi về phương Tây.

Ba ngày trước ông đã đi khắp nơi khuyên bạn bè cố gắng tu Tịnh nghiệp và nói lời chia tay. Chao ôi! Nếu không rõ đạo duy tâm bốn tánh đạt được số kiếp sinh tử biến hóa, thì đâu còn đến giờ này! Có người nghi ngờ điềm mộng của Lý. Họ cho rằng vì tưởng tượng mà thành. Bất bảo: Chỉ ăn cháo trắng mà hết bệnh, làm sao xem thường được ư? Thừa tướng Ích Quốc Công Chu Tất Đại thấy kỳ tích của ông nên làm bài tụng khen ngợi:

- Lớn lao nhưng không cầu nguyện, phật phùng nhưng không ưu lo, thương cho gió nghiệt sắc thổi đến, nắm giữ những điều lành làm đồng hạng. Muốn hướng dẫn mọi người tu tập nên ông dùng nguồn nhân nghĩa và dẫn dụ họ bằng cái vui vắng lặng. Mọi người biết có người làm nhưng không nhận ra đó là Vô Vi. Cho nên trung đạo vẫn an nhiên mà chỉ dạy người bằng chân giác. Lý Cẩn Nguyên không có gì để báo đức bền khắc tượng ông và sự tích để truyền bá trong dân chúng. Từ đó tất cả dân chúng ở Lô Lăng đều kính thờ ông (Long Thư cư sĩ).

21. Nghi Chân Vương Thị Lang.

Vương Thị Lang húy Cổ, tự là Mẫn Trọng, người ở Đông Đô. Ông từng đảm nhiệm chức Thượng thư lễ bộ Thị Lang, vì làm phát vận sứ

nên đến ở Nghi Chân. Bẩm tánh ông rất nhân từ, khoan dung, thương xót muôn vật, mở mang truyền bá Phật giáo, mở rộng nguồn giáo hóa, ngụ ở kinh đô, ông từng đến các bậc tôn túc thông hiểu giáo nghĩa để bàn luận Phật pháp rồi đến đỉnh Hoàng Long Thúy Nham ở Giang tây làm bạn Thiền với các vị Hối Đường Dương Kỳ và rất khế hợp tông chỉ, lại ngộ được sự thù thắng của pháp môn Di-đà Tịnh độ, chuyên khảo cứu các kinh điển, nghiên cứu kỹ vãng sinh, quán xuyên thông suốt văn kinh, phát minh Phật ý, bèn viết Trục Chỉ Tịnh độ Quyết Nghi Tập ba quyển, Dương Thứ Công viết lời tựa và phát hành bốn truyện.

Thị Lang biên tập kinh Đại Di-đà Tứ thập bát nguyện, Kinh thập lục quán, Cửu phẩm vãng sinh, luận Đại Thừa Khởi Tín của Bồ-tát Mã Minh, luận Trung Quốc sư Đối Túc Tông, Tùy Ý Vãng Sinh, luận Niệm Phật Tam-muội, luận Bảo Vương, và các kinh luận trình bày đầy đủ những điểm chính yếu của pháp môn niệm Phật, ghi chép đầy đủ, nếu xưng niệm Nam-mô A-di-đà Phật ba mươi sáu muôn ức, mười một muôn chín ngàn năm trăm đồng danh đồng hiệu A-di-đà Phật cũng là một chi phần rút ra từ trong Tạng kinh, nhấn đến những điểm then chốt của pháp môn Tịnh độ và các luận của các Bồ-tát cũng đều biên tập.

Ngày rảnh rỗi Thị Lang tu tập quán niệm không hề xen hở, xâu chuỗi niệm Phật không hề rời tay, đi đứng nằm ngồi đều lấy Tịnh quán Tây phương làm Phật sự. Có vị Tăng thần thức đến Tịnh độ gặp Thị Lang và đại phu Cát Hệ cùng ở Tịnh độ làm Phật sự là chứng nghiệm vãng sinh Tịnh độ, ông đã mở mang Tịnh độ chỉ bày điểm then chốt, giúp Phật A-di-đà giáo hóa tất cả dân chúng. Sau mười tám vị Hiền ở Lô Sơn mà kế tục đạo này để giúp Phật mở mang pháp môn, nhưng lúc ấy chỉ có Thứ công Mẫn Trọng nổi tiếng đương thời lưu truyền đến mấy trăm năm sau mở rộng Di-đà Đại giáo, rộng độ nhiếp hóa rất thanh hành, không có cùng tận. Những cao sĩ đời Tấn chỉ có hai ông là được vãng sinh nên mới có khả năng soi sáng các bậc Tiền hiền để nối tiếp tiếng thơm để lại.

Như trên là các Tổ đặc đạo Tông sư đều từ trong Đại tạng Cao Tăng truyện, Vãng sinh truyện, Bảo châu tập ghi ra, như Từ Chiếu Tông chủ giáo hóa thanh hành ở đời, tất cả vua quan, tăng tục đều rất tôn kính, quy hướng tu theo pháp môn niệm Phật. Người được đặc đạo rất nhiều, nhưng xem xét trong các truyện lục đều không thấy ghi đầy đủ, không có văn để khảo cứu. Nay sưu tập, dò xét sự tích Từ Chiếu Tông Chủ để đưa vào tập. Không kể là tại gia hay xuất gia, hễ ai niệm Phật đặc đạo, những bậc danh hạnh, các bậc cao hiền, dụng tâm nghiên

tâm tham cứu thật lục để phát dương rộng rãi thì sẽ được thâm thập đưa vào (đại tạng) khắc bản lưu hành để không bị mai một những đức tốt của các bậc tiền bối, cũng là vinh hạnh của pháp môn.